TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **08**/2022/DSST
Ngày 04/05/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lấy

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Lam
2. Bà Nguyễn Thị Tây Nguyên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát Viên

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 191/2021/TLST-DS, ngày 06/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02A/2022/QĐST-DS, ngày 21/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST-DS, ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phạm M**, sinh năm 1968; Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn H, huyện P, tỉnh Bình Thuận

2. Bị đơn: Vợ chồng ông **Đoàn Văn T**, sinh năm 1965, bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1970; Cùng địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn H, huyện P, tỉnh Bình Thuận.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gởi đến Tòa án ngày 04 tháng 10 năm 2021 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm M trình bày: Vào ngày 22/7/2020 vợ chồng ông Đoàn Văn T, sinh năm 1965, bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; Cùng địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn H, huyện P, tỉnh Bình Thuận có có ký kết hợp đồng vay của tôi số tiền 65.000,000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng). Thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày 22/7/2020 đến ngày 22/12/2020. Nhưng khi đến thời hạn trả thì vợ chồng ông T, bà L chưa thanh toán số tiền trên cho tôi, mặc dù tôi có đến nhà vợ chồng ông T, bà L nhiều lần yêu cầu trả số tiền trên cho tôi, nhưng vợ chồng ông T, bà L vẫn không trả. Tôi có làm đơn đến Tòa thì vợ chồng ông T, bà L thừa

nhận có nợ số tiền trên và hứa trả dần, do đó tôi rút lại đơn, nhưng từ khi tôi rút lại đơn đến nay thì vợ chồng T, bà L vẫn chưa trả cho tôi.

Tại Tòa án hôm nay, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P giải quyết buộc vợ chồng ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ tôi số tiền gốc 65.000.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu đồng*), tôi không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị L trình bày tại biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 29 tháng 01 năm 2021: Vào ngày 24/12/2020 vợ chồng ông, bà có ký hợp đồng vay của ông Phạm M với số tiền 65.000.000đ (sáu mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày 22/7/2020 đến ngày 22/12/2020 nhưng khi đến hạn trả vợ chồng ông, bà chưa có tiền để thanh toán cho ông M. Sau đó ông M có khởi kiện ông bà, tại Tòa vợ chồng ông bà thừa nhận có nợ ông M số tiền trên và thỏa thuận phương thức trả nên ông rút đơn khởi kiện ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu:

- Việc kiểm sát tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 471, 474 của Bộ Luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm M đối với vợ chồng ông Đoàn M Thường, bà Nguyễn Thị L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc vợ chồng ông Đoàn M Thường, bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Phạm M số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng).

Về án phí: Do yêu cầu của ông M đươc chấp nhận nơ vợ chồng ông Đoàn M Thường, bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí DSST theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vợ chồng ông Đoàn Văn T, bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng do họ thường xuyên vắng mặt tại nhà nên không tống đạt được các thủ tục tố tụng. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết công khai theo quy định và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại phiên tòa, nguyên đơn vợ chồng bà ông Phạm M yêu cầu vợ chồng ông Đoàn Văn T, bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông số tiền số tiền **65.000.000** đồng (sáu mươi lăm triệu đồng); Bị đơn vợ chồng ông Đoàn Văn T, bà Nguyễn Thị L thừa nhận có vay của ông Phạm M số tiền 65.000.000đ. Chứng tỏ đây thuộc trường hợp tranh chấp về hợp đồng dân sự theo

khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là vụ kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được điều chỉnh theo Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết xác M thu thập chứng cứ, nguyên đơn ông Phạm M xác nhận vào ngày 22 tháng 7 năm 2020 ông có cho vợ Vợ chồng ông Đoàn Văn T, bà Nguyễn Thị L số tiền 65.000.0000 đồng, lãi suất , thời hạn vay là 05 tháng, đến hạn trả nhưng ông T, bà L không trả nên ông làm đơn khởi kiện. Vợ chồng ông T, bà L xác nhận tại biên bản ghi lời khai đương sự ngày 29/01/2021 ông bà có vay và còn nợ ông Phạm M 65.000.000đ như ông M khai. Xét thấy, ông M và vợ chồng ông T đều thống nhất số tiền ký hợp đồng vay và ông bà thừa nhận còn nợ chưa trả, khi ông M khởi kiện ra tòa vào năm 2021 thì giữa ông M với ông bà có thương lượng, có làm giấy cam kết trả hàng tháng 5.000.000đ. Chứng tỏ, ông T và bà L có vay tiền như ông M xác nhận, do ông T và bà L không thực hiện theo cam kết trả nợ nên ông M làm đơn khởi kiện, việc ông M đưa ra chứng cứ khởi kiện ông T và bà L là đúng phù hợp với quy định pháp luật..

Đối chiếu các tài liệu do nguyên đơn xuất trình như : *"hợp đồng vay tiền", "giấy cam kết ngày 29/01/2021"* có chữ ký của vợ chồng ông T, bà L và biên bản lời khai của vợ chồng ông T, bà L, ông bà có thừa nhận số tiền vay mà ông M đã xác nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng M"*.

Nguyên đơn ông Phạm M không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận việc khởi kiện của ông M đối với vợ chồng ông T, bà L về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc vợ chồng ông T, bà L phải có trách nhiệm hoàn trả nợ cho M số tiền 65.000.000 đồng.

[4] Về phần án phí: Do yêu cầu của ông M được chấp nhận nên vợ chồng ông T, bà L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]Áp dụng: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 357; Điều 463, 466 của Bộ Luật dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án;

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm M đối với vợ chồng ông Đoàn Văn T, bà Nguyễn Thị L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc vợ chồng ông Đoàn Văn T, bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Phạm M số tiền **65.000.000** đồng (sáu mươi lăm triệu đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Vợ chồng ông Đoàn Văn T, bà Nguyễn Thị L phải nộp **3.250.000đ (**ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho ông Phạm M số tiền **1.625.000đ (**một triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003057 ngày 06/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về kháng cáo: Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/5/2022), đối với bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA Huyện**;**
- Lưu HS.

Lý Văn Lấy